

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 19 – 01 - 2021

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê và bà Nguyễn Thị Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2020/QĐST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện L.

Địa chỉ: Số 109 Trần Hưng Đạo, Phường C, Quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Duy T (có mặt).

Giám đốc phòng giao dịch K - Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt.

Địa chỉ: Số 75 Nguyễn Tất Thành, Thị trấn K, huyện K, Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Ma Văn L (Vắng mặt) và bà Ma Thị Nh (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện K, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phan Duy T trình bày:

Ngày 26/4/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện L (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và vợ chồng ông bà Ma Văn L – Ma Thị Nh đã ký kết Hợp đồng tín dụng số HĐTD66220190539 với nội dung: Ngân hàng cho vợ chồng ông bà Ma Văn L – Ma Thị Nh vay số tiền là 1.500.000.000đ (Một tỉ năm trăm triệu đồng), mục đích vay phục vụ sản xuất nông nghiệp. Thời hạn vay là 01 năm, kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 10,5% trong 03 tháng đầu, sau đó điều chỉnh theo quy định của ngân hàng, lãi suất được trả theo nợ gốc. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã tiến hành giải ngân số tiền 1.500.000.000đ cho ông L và bà Nh theo nội dung hợp đồng.

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho số tiền vay tại hợp đồng vay nêu trên bao gồm:

1. Giấy chứng nhận QSD đất số CM 226045 do sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 22/01/2018 mang tên Ma Văn L và Ma Thị Nh, diện tích đất 29.140m², thửa đất số 34, tờ bản đồ 97, địa chỉ thửa đất tại thôn E, xã E.

2. Giấy chứng nhận QSD đất số CM 226046 do sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 22/01/2018 mang tên Ma Văn L và Ma Thị Nh, diện tích đất 3.400m², thửa đất số 167, tờ bản đồ 97, địa chỉ thửa đất tại thôn E, xã Ea T.

Việc thế chấp được ký kết tại Hợp đồng thế chấp số 171/2018/HĐTC ngày 24/4/2018.

Đến thời hạn trả nợ (Tháng 4/2020) mặc dù ngân hàng đã yêu cầu nhiều lần, nhưng hộ ông L vẫn không trả nợ gốc và nợ lãi.

Tính đến ngày xét xử (Ngày 19/01/2021) ông L và bà Nh còn nợ ngân hàng số tiền là 1.899.228.784đ (Một tỉ tám trăm chín mươi chín triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm tám mươi tư đồng), trong đó nợ gốc là 1.499.995.267 đồng, nợ lãi (trong hạn, quá hạn, lãi phạt) là 399.223.517đ.

Như vậy ông L và bà Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận. Nay ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông L và bà Nh phải trả cho ngân hàng toàn bộ số nợ gốc, lãi tính đến ngày xét xử là 1.899.228.784đ và chịu lãi quá hạn kể từ ngày 20/01/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp ông L và bà Nh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu được xử lý tài sản bảo đảm của ông L và bà Nh là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất để thu hồi nợ theo quy định.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Ma Văn L và bà Ma Thị Nh trình bày:

Ông bà công nhận vào ngày 26/4/2019 ông bà và ngân hàng đã ký kết Hợp đồng tín dụng số HĐTD66220190539 với nội dung: Ngân hàng cho vợ chồng ông bà vay số tiền là 1.500.000.000đ (Một tỉ năm trăm triệu đồng), mục đích vay phục vụ sản xuất nông nghiệp. Thời hạn vay là 01 năm, kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 10,5%/ trong 03 tháng đầu, sau đó điều chỉnh theo quy định của ngân hàng, lãi suất được trả theo nợ gốc. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã tiến hành giải ngân số tiền 1.500.000.000đ cho vợ chồng ông bà theo nội dung hợp đồng. Tài sản thế chấp là 02 giấy chứng nhận QSD đất như trình bày của nguyên đơn.

Ông bà công nhận khoản tiền vay của ngân hàng đã quá hạn thanh toán kể từ tháng 4/2020, ngân hàng đã yêu cầu nhiều lần, nhưng nay ông bà vẫn chưa trả nợ gốc và tiền lãi. Ông bà còn nợ số tiền gốc 1.500.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

Ông bà công nhận chúng tôi đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy việc ngân hàng khởi kiện ông bà là đúng. Do điều kiện khó khăn chưa trả được nợ nên ông bà xin gia hạn thời gian trả nợ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện L và vợ chồng ông bà Ma Văn L - Ma Thị Nh đã xác lập giao dịch vay tiền. Do ngân hàng cho rằng ông L và bà Nh không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định tranh chấp giữa ngân hàng với ông L và bà Nh là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

- Về số lượng nợ: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất về thời điểm xác lập giao dịch vay tiền và số tiền vay. Căn cứ vào tài liệu do các đương sự cung cấp và ý kiến, yêu cầu của các đương sự đã có cơ sở xác định:

Ngày 19/6/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế L cho vợ chồng ông bà Ma Văn L - Ma Thị Nh vay số tiền là 1.500.000.000đ (Một tỉ năm trăm triệu đồng), mục đích vay phục vụ sản xuất nông nghiệp. Thời hạn vay là 01 năm, kể từ ngày giải ngân. Kể từ thời điểm đến hạn trả nợ do ông L và bà Nh không trả nợ nên Ngân hàng đã khấu trừ số tiền có trong tài khoản của vợ chồng ông L là 4.733đ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía bị đơn thừa nhận kể từ thời điểm vay tiền cho đến nay phía bị đơn chưa trả nợ gốc và lãi suất cho ngân hàng. Như vậy, HĐXX xác định ông L và bà Nh còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.499.995.267đ và tiền lãi phát sinh.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn: Khoản vay giữa ngân hàng với ông L và bà Nh có thời hạn trả nợ là tháng 4/2020. Đến thời điểm ngân hàng khởi kiện thì ông L và bà Nh đã quá hạn trả nợ gốc và trả nợ lãi, việc ông L và bà Nh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như đã cam kết là đã vi phạm thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 280 BLDS. Mặc dù bị đơn xin gia hạn thời hạn trả nợ, nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận, nên cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ và phải chịu lãi suất trong hạn và quá hạn theo nội dung đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Vì vậy việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả toàn bộ số nợ gốc và lãi là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt nam, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần L, buộc ông Ma Văn L và bà Ma Thị Nh phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử là 1.899.228.784đ (Một tỉ tám trăm chín mươi chín triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm tám mươi tư đồng), trong đó nợ gốc là 1.499.995.267 đồng, nợ lãi (trong hạn, quá hạn, lãi phạt) là 399.223.517đ, đồng thời buộc ông L và bà Nh phải chịu lãi suất tiếp theo, theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, kể từ ngày 20/01/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền ông L và bà Nh đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 171/2018/HĐTC ngày 24/4/2018. Như vậy khoản vay của ông L và bà Nh tại ngân hàng có tài sản bảo đảm. Vì vậy nếu ông L và bà Nh không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông L và bà Nh để thu hồi nợ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận; bị đơn không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ

thảm có giá ngạch là $36.000.000đ + 3\% \times (1899.228.784đ - 800.000.000đ) = 68.976.863đ$

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Thông tư 39/2016/TT – NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện L:

1. Buộc ông Ma Văn L và bà Ma Thị Nh phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện L tổng số tiền 1.899.228.784đ (Một tỉ tám trăm chín mươi chín triệu hai trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm tám mươi tư đồng), bao gồm: Nợ gốc là 1.499.995.267 đồng, nợ lãi (trong hạn, quá hạn, lãi phạt) là 399.223.517đ.

Kể từ ngày 20/01/2021 cho đến khi thi hành án xong, ông Ma Văn L và bà Ma Thị Nh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận hợp đồng tín dụng HĐTD66220190539 ngày 16/4/2019.

Sau khi ông Ma Văn L và bà Ma Thị Nh trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện L, thì Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện L có nghĩa vụ trả lại cho ông L và bà Nh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 226045 do sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 22/01/2018 và giấy chứng nhận QSD đất số CM 226046 do sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 22/01/2018, mang tên Ma Văn L và Ma Thị Nh

Trường hợp ông Ma Văn L và bà Ma Thị Nh không trả hoặc trả không hết nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện L được quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 171/2018/HĐTC ngày 24/4/2018 là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 226045 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 22/01/2018 và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSD đất số CM 226046 do sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 22/01/2018, mang tên Ma Văn L và Ma Thị Nh để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Ma Văn L và bà Ma Thị Nh phải nộp 68.976.863đ (Sáu mươi tám triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện L số tiền 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0014980 ngày 15/10/2020.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN